

VẤN ĐỀ NÔNG NGHIỆP TRONG "TAM NÔNG" CỦA TRUNG QUỐC

TSKH. L.D.BONI

Viện Viễn Đông, Viện Hàn Lâm Khoa học Nga

Trung Quốc với số dân nông nghiệp khổng lồ hiện chiếm 70% dân số toàn quốc, vấn đề nông nghiệp chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng. Tại đây vấn đề nông nghiệp là một trong ba vấn đề được gọi là vấn đề "Tam nông", là cặp ba những vấn đề liên quan chặt chẽ với nhau gồm nông nghiệp, nông thôn và nông dân, đồng thời cũng là những vấn đề hoàn toàn độc lập có những đặc điểm riêng của mình. Trong các thời kỳ phát triển khác nhau nội dung của vấn đề nông nghiệp đã được thay đổi: vào thời kỳ đầu đây là vấn đề cơ bản của cuộc cách mạng Trung Quốc (bản chất là vấn đề ruộng đất), từ thời kỳ đầu công nghiệp hoá những năm 1950 thế kỷ XX nông nghiệp đã trở thành một trong những vấn đề chính của hiện đại hoá Trung Quốc. Ban lãnh đạo đất nước đã gán những nhiệm vụ khắt khe định sự độc lập của Trung Quốc trên thế giới và xây dựng cơ sở vật chất nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế với chương trình hiện đại hoá, mà trong điều kiện khi đó nguồn tài chính chủ yếu để thực hiện mục tiêu này chỉ có thể là nông nghiệp.

Theo chiến lược phát triển kinh tế được thông qua thì nông nghiệp Trung Quốc được chọn là nguồn cung cấp tài nguyên chính cho phát triển công nghiệp và các thành phố. Vai trò của nông nghiệp trong chương trình hiện đại hoá là rất khó khăn và phức tạp: Nông nghiệp phải giải quyết và đã giải quyết ba vấn đề lớn mang ý nghĩa toàn dân tộc: đảm bảo lương thực và nguồn nguyên liệu cho phát triển công nghiệp và cư dân các thành phố đang ngày càng tăng trưởng, dành nguồn tích lũy nội bộ đáng kể cho công nghiệp hoá, cung cấp nguồn ngoại tệ thu được từ xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp. Trong một thời gian dài cho đến tận đầu những năm 1990 nông nghiệp đã đóng vai trò là khâu quan trọng nhất của vấn đề tam nông. Cần nhấn mạnh rằng trong điều kiện sức sản xuất ở nông thôn với trình độ rất thấp kém và tính hàng hoá trong lĩnh vực nông nghiệp cũng rất thấp thì thặng dư sản phẩm hay sản phẩm thặng dư cũng tăng trưởng rất ít. Vì thế, nhà nước thực hiện động viên nguồn tài nguyên cho công nghiệp hoá chủ yếu bằng những biện pháp ngoài kinh tế.

Như vậy, nội dung và tính chất của vấn đề nông nghiệp liên quan rất chặt chẽ với vấn đề công nghiệp hoá.

Đánh giá sơ bộ kết quả cuộc cải cách kinh tế ở nông thôn sau 30 năm- từ 1978-2008 cần phải nhấn mạnh những thành quả không thể tranh cãi: đã thành công trong việc gia tăng đột biến sản lượng lương thực và giải quyết chủ yếu được vấn đề nuôi sống trên một tỷ người dân, lần đầu tiên trong lịch sử đến cuối những năm 1990 Trung Quốc đã cân bằng được nhu cầu xã hội và việc cung cấp ngũ cốc là sản phẩm quan trọng nhất trong khẩu phần ăn của người Trung Quốc, với tư cách là cơ sở giải quyết vấn đề an ninh lương thực đất nước; đạt được tăng trưởng thu nhập cho cư dân nông thôn lên vài lần và nâng cao mức tiêu dùng của họ. Tại nông thôn đã diễn ra những thay đổi cơ cấu và hệ thống sâu sắc: nông dân nhận được ruộng đất (quyền sử dụng đất tập thể trên cơ sở khoán hộ gia đình), quyền độc lập kinh doanh; đồng thời với nông nghiệp các ngành kinh tế khác nhau trong khu vực nông nghiệp cũng phát triển thắng lợi: chăn nuôi, lâm nghiệp, ngư nghiệp, v.v... cũng như lĩnh vực rộng lớn của hoạt động phi nông nghiệp (xí nghiệp hương trấn). Kết quả là, tỷ lệ toàn bộ kinh tế nông nghiệp chiếm gần một nửa GDP (45,9 % năm 2006). Những bước tiến vượt bậc này trong nông nghiệp được trực tiếp tạo ra bởi sự tăng trưởng năng suất lao động, tính hiệu quả của đất nông nghiệp, hiệu quả sản xuất vượt trội vài lần và là kết quả của công cuộc cải cách⁽¹⁾. Những thành quả này đạt được cũng là nhờ vào cải cách hệ

thống sâu rộng- chuyển từ hệ thống khoán hộ gia đình sang hệ thống kinh tế thị trường. Trong tiến trình chuyển đổi thị trường, nông thôn Trung Quốc với hơn 800 triệu nông dân ngày càng được lôi kéo vào quá trình quá độ lịch sử từ sản xuất tự nhiên sang sản xuất hàng hoá, từ hình thức sản xuất truyền thống sang sản xuất hiện đại. Quá trình đô thị hoá được tăng cường. Gần 200 triệu nông dân chuyển cư vào thành phố.

Cho đến tận thời gian này các nguồn tài liệu chính thức của Trung Quốc viết rất hào hứng về những thành quả và vấn đề phát triển kinh tế đất nước trong đó có nông nghiệp và nông thôn trong quá trình cải cách: trên thực tế thì quá trình cải cách và phát triển lĩnh vực nông nghiệp diễn ra trong những điều kiện nào, những điều kiện chủ yếu được tạo ra bởi những yếu tố khách quan. Trên thực tế trong tất cả các năm trước và trong quá trình cải cách tất cả những điều kiện này đều rất khó khăn. Khởi đầu trong những điều kiện khách quan phức tạp (thiếu đất nông nghiệp, cư dân nông nghiệp quá đông, cơ sở vật chất lạc hậu...) những điều kiện trên càng phức tạp hơn do ảnh hưởng tiêu cực của những điều kể trên đối với toàn bộ quá trình phát triển lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn. Nói cách khác là giai cấp nông dân Trung Quốc buộc phải sống và làm việc dưới sức ép thường xuyên của bộ máy nhà nước, bằng cách ép buộc phi kinh tế trưng dụng phần lớn sản phẩm thặng dư, nhiều khi cả một phần những sản phẩm cần thiết được tạo ra trong nông nghiệp. Bộ máy này trên thực tế là

cả một hệ thống huy động tài nguyên ở nông thôn bao gồm:

1) Hệ thống công xã nhân dân (từ năm 1958), thực tế đã tước bỏ quyền sản xuất độc lập và kiểm soát gắt gao đối với sản phẩm và phân phối sản phẩm xã hội ở nông thôn thậm chí cả tới tiêu chuẩn sử dụng ngũ cốc của chính những người sản xuất. Sự hoà đồng chức năng hành chính và hoạt động kinh tế trong hệ thống “công xã nhân dân” làm cho những nguồn cần thiết tự do chuyển vào thành phố;

2) Hệ thống mua bắt buộc (bắt ép) tất cả các loại nông sản của nông dân với giá rẻ trung bình tới 30% hoặc hơn nữa số sản phẩm thu hoạch được, tại những vùng nông nghiệp chính còn lên đến 40% hoặc hơn nữa. Giá mua nông sản thấp cùng với giá bán tư liệu sản xuất phục vụ nhu cầu của nông thôn cao tạo thành cơ chế “giá cánh kéo” đảm bảo trưng thu phần lớn sản phẩm xã hội do lĩnh vực nông nghiệp tạo ra. Quy mô nhỏ lẻ của các khoảnh đất khoán và nghĩa vụ bán ngũ cốc cao đã làm cho nhiều cây lương thực khác có lợi nhuận cao không được trồng cấy, trên thực tế tất cả đất nông nghiệp đều dùng để trồng ngũ cốc;

3) Hệ thống đăng ký hộ khẩu nông thôn được tiến hành từ năm 1958 với một loạt điều khoản cấm kỵ như “ly thổ bất ly hương”, tước bỏ quyền của người nông dân tự do di chuyển vào thành phố và ấn định quy chế xã hội đặc biệt của họ;

4) Hệ thống quản lý riêng biệt giữa thành phố và nông thôn. Hệ thống này dựa trên nguyên tắc “quản lý riêng biệt thành phố và nông thôn, một nhà nước

hai chính sách” dẫn đến việc cô lập và tình trạng kinh tế, xã hội bất bình đẳng tại nông thôn. Hệ thống quản lý này tạo điều kiện biến sự khác biệt tự nhiên trong phát triển thành phố và nông thôn (do sự khác biệt về trình độ năng suất lao động và những điều kiện lịch sử khác) thành hệ thống cơ cấu kinh tế và xã hội nhị nguyên, mang tính thể chế về nguyên tắc và mục đích. Những mục đích này chủ yếu mang tính hạn chế và cấm đoán. Xuất phát từ những nhiệm vụ chiến lược phát triển kể trên đối với nông thôn trong việc phân phối và luân chuyển tài nguyên đã tiến hành đường lối với yêu cầu: “Lấy nhiều, cho ít, quản chặt”. Đường lối này được cụ thể bằng những mục đích “nông nghiệp bổ sung cho công nghiệp”, “nông thôn ủng hộ thành thị”, và mục đích ít được quảng cáo “bẫy quan trọng và bẫy thứ cấp” dành cho cán bộ cải hành chính cấp thấp làm việc tại nông thôn. Những biện pháp “quan trọng” gồm tăng trưởng sản lượng, tăng cường thu thuế, đầu tư vào công nghiệp, phát triển kinh tế, bảo đảm quyền lợi nhà đầu tư, đầu tư vào xây dựng, bảo vệ quyền lợi của địa phương; những biện pháp “thứ cấp” gồm: mở rộng công ăn việc làm, tăng thu nhập cho nông dân, đầu tư vào nông nghiệp, kiểm soát môi trường xung quanh, quyền lợi của nhân viên, lĩnh vực xã hội, vấn đề tổ chức đời sống xã hội. Các chuyên gia thuộc Uỷ ban nông nghiệp và công tác nông thôn tỉnh Chiết Giang Gu Yikang và Shaofeng đã kể về mục tiêu cuối cùng này⁽²⁾. Chỉ một danh mục những biện pháp “quan trọng” và “thứ cấp” trong

quản lý kinh tế nông nghiệp đã hoàn toàn chỉ rõ khuynh hướng cụ thể của chiến lược phát triển, đầu tư nghiêng hẳn có lợi cho công nghiệp và thành thị do việc cắt giảm quyền lợi sống còn của nông thôn và nông dân.

Hệ thống tài chính của nhà nước đã thực hiện những nguyên tắc phân bổ tài nguyên này. Kết quả của hàng loạt “thay đổi” mang tính thể chế hệ thống này hướng đến việc đáp ứng nhu cầu của kinh tế đô thị và công nghiệp hoá. Các nhà khoa học Trung Quốc nói rằng “hệ thống tài chính đóng vai trò then chốt trong quá trình hình thành nền kinh tế thị trường thậm chí đến mức nó là hiện thân của hệ thống kinh tế thị trường có nghĩa là bao gồm toàn bộ hệ thống kế hoạch hoá, hệ thống này... trở thành công cụ thực hiện ngân sách quốc gia. Nền kinh tế kế hoạch chỉ là sự tổng kết của nền kinh tế tài chính và chỉ có thế”⁽³⁾.

Hậu quả của việc tiến hành chính sách này trong vòng hơn 50 năm là sự gia tăng mất cân đối giữa nguồn nhân lực và nguồn tài nguyên đất; quá trình đô thị hoá bị chậm lại, níu kéo quá trình tăng cường phân công lao động xã hội, bó khung năng suất lao động rất thấp trong lĩnh vực nông nghiệp; làm suy yếu khả năng tích lũy và phát triển sản xuất nông nghiệp, từ đó dẫn đến nhịp độ phát triển ngành nghề chậm đặc biệt là sản xuất ngũ cốc, sự yếu kém của cơ sở vật chất; hạn chế thu nhập của người sản xuất, họ không quan tâm đến vật chất trong phát triển sản xuất hàng hoá; tình trạng cư dân nông thôn không có quyền và không được bảo vệ trước các

nhân vật chính quyền địa phương ngày càng gia tăng, ưu tiên lợi ích xã hội (đa phần là lợi ích địa phương) hơn lợi ích cá nhân. Mặc dù hệ thống công xã nhân dân đã bị bãi bỏ từ những năm 1979-1983, còn hệ thống thu mua bắt buộc mãi tới những năm 2002-2004 mới bị bãi bỏ, nhìn chung đã thực hiện bước quá độ sang hệ thống kinh tế thị trường, nhưng những cơ chế và công cụ chủ yếu của cơ cấu kinh tế và xã hội thị trường, trước hết là hệ thống tài chính và hệ thống đăng ký hộ khẩu nông thôn vẫn được tiếp tục thực hiện một cách hoàn hảo trong suốt những năm này và trên thực tế cho đến nay vẫn không có những thay đổi đáng kể.

Hệ thống động viên đã sử dụng mọi biện pháp khác nhau để trưng thu nguồn tài nguyên “thừa” của nông dân. Dưới đây là một số kênh chính mà nhà nước sử dụng để chuyển tài nguyên từ nông thôn Trung Quốc về thành thị:

1. *Kênh giá cả*: từ năm 1953 đến năm 1989 nhờ “giá cánh kéo” đã trưng thu hơn 700 tỷ NDT hay 1/5 giá trị tái sản xuất trong nông nghiệp vượt quá giá trị ban đầu của nguồn vốn chủ yếu của các xí nghiệp công nghiệp thời kỳ đó⁽⁴⁾. Chỉ từ năm 1991 đến năm 1997 bằng “giá cánh kéo”, lĩnh vực nông nghiệp đã chuyển đi 1402,12 tỷ NDT⁽⁵⁾; theo những đánh giá khác thì những năm này, bằng “giá cánh kéo” Nhà nước đã trưng thu 1266 tỷ NDT⁽⁶⁾.

2. Theo kênh hệ thống tiền tệ sau những năm cải cách (1978-2002) nguồn tiền chuyển từ nông thôn vào công nghiệp là 1207,7 tỷ NDT⁽⁷⁾.

3. Kênh thuế - tài chính, từ 1978 đến 2001 đã chuyển từ nông thôn đi 1996,6 tỷ NDT⁽⁸⁾.

4. Địa tô, hay sự chênh lệch giữa giá nhà nước trưng thu đất của nông dân và giá bán lại đất này cho các tổ chức kinh doanh và xây dựng, theo một nguồn tài liệu, là 2000 tỷ NDT⁽⁹⁾. Theo đánh giá của nhà kinh tế học Trung Quốc Dang Quoyin, Viện Phát triển nông thôn Viện Khoa học xã hội Trung Quốc thì từ năm 1952 đến năm 2002 nông dân đã phải chuyển không đền bù cho xã hội nguồn thu nhập từ đất tổng số tiền 5153,5 tỷ NDT. Như vậy chỉ từ năm 2002 nông dân đã “cho đi” 785,8 tỷ NDT, tương đương với số tiền không được nhận đền bù quyền tài sản đối với đất đai trị giá 2600 tỷ NDT. Thậm chí nếu có trừ đi số tiền đền bù (số này quá nhỏ) mà người nông dân nhận được từ phần đất của mình trong tổng số này thì tổng số giá trị quyền sử dụng đất của nông dân mà họ buộc phải từ bỏ vẫn chiếm tới trên 2 nghìn tỷ NDT⁽¹⁰⁾. Tính toán của các nhà khoa học chỉ ra rằng nếu khác đi thì thu nhập thực tế của người nông dân sẽ phải tăng hơn 40%⁽¹¹⁾.

Theo đánh giá tương đối của các chuyên gia Trường Đại học nhân dân Trung Quốc, thì chỉ sau những năm cải cách (1978-2002) theo các kênh kể trên từ nông thôn đã chuyển đi ít nhất là 6200 tỷ NDT⁽¹²⁾.

5. Thực tiễn phụ thu hành chính từ các hộ nông dân được phổ biến khắp nơi vào những năm 1950. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp Trung Quốc thì năm 1999 “gánh nặng” thuế khoá và các khoản thu hành chính các kiểu từ các hộ

nông dân đã đạt 177,89 tỷ NDT một năm, trung bình là 199 NDT mỗi người, trong đó khoản “phụ” thu (trên thực tế là vi phạm luật pháp) chiếm tới 2/3 tổng số tiền nông dân phải trả trong một năm. Năm 2000, gánh nặng còn tăng hơn 15% nữa vượt quá 200 tỷ NDT⁽¹³⁾. Theo điều tra xã hội học vào giữa những năm 1990, mặc dù thu nhập bình quân của người nông dân tương đương với 40% thu nhập của cư dân thành phố nhưng người nông dân phải trả thuế cao hơn 9 lần so với người thành phố. Cùng với nhiều khoản phụ thu khác, tổng các khoản tiền một người nông dân phải trả cao gấp 30 lần các khoản thuế của một thị dân⁽¹⁴⁾.

Ngoài ra, Trung Quốc còn áp dụng nhiều hình thức nghĩa vụ lao động khác nhau đối với người nông dân có nghĩa là lao động không công như làm thuỷ lợi, làm đường và xây dựng cơ bản. Phân tích nhiều đánh giá quy mô trưng thu các nguồn từ nông thôn đã đủ cơ sở để kết luận rằng quy mô trưng thu sau những năm cải cách kinh tế đã tăng lên và tăng rất đáng kể.

Đồng thời quy mô tài trợ của nhà nước cho nông nghiệp vẫn ở mức rất thấp. Thậm chí những năm gần đây quy mô các khoản chi tài chính hỗ trợ nông nghiệp, tỷ lệ trong các khoản chi tài chính chung của nhà nước vẫn rất thấp thậm chí còn suy giảm: năm 1978-13,4%, năm 1990 . – 8,9%, năm 2000. –7,8%, năm 2004. –8,2%, năm 2005. –7,2%, năm 2006. –7,8%⁽¹⁵⁾. Đến nay tình hình tín dụng cho nông nghiệp vẫn rất căng thẳng. Tỷ lệ tín dụng cho nông nghiệp trong tổng số tín dụng do hệ thống tín

dụng cung cấp thật nhỏ bé: năm 1994-2,9%, 1999- 3,9%, 2000-3,6%⁽¹⁶⁾.

Kết quả của việc không đầu tư đầy đủ là mức độ đầu tư vào nông nghiệp và kinh tế nông nghiệp rất thấp không thể chấp nhận được. Năm 2006, theo số liệu thống kê chính thức, đầu tư vào các quỹ chính của nông nghiệp (khu vực 1) chỉ chiếm 2,9%, trong khi đó tỷ lệ vào khu vực 2 và 3 của nền kinh tế là 97,5% tổng đầu tư vào các quỹ chính của nền kinh tế. Nếu tính theo cơ cấu phân bổ đầu tư theo nguồn tư bản chính của nông thôn và thành thị thì trong năm này tỷ lệ của nông thôn là 15%, còn của thành thị là 85%⁽¹⁷⁾.

Theo “Nghị quyết về nông nghiệp” thì khi gia nhập WTO Trung Quốc có quyền hỗ trợ nông nghiệp không quá 8,5% GDP sản xuất trong ngành. Cho đến nay sự hỗ trợ này mới chỉ là 3,3%⁽¹⁸⁾, còn theo những đánh giá khác thậm chí mới chỉ là 2,2%.

Đó là sự chậm nhịp độ tăng trưởng nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất ngũ cốc, sự suy giảm nhịp độ tăng trưởng thu nhập của nông dân, sự xuất hiện của hàng triệu nông dân không có đất; sự sụt giảm hiệu suất sản xuất nông nghiệp, sự gia tăng khoảng cách thu nhập và chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn và thành thị, sự gia tăng căng thẳng xã hội. Nhưng điều chủ yếu đó là sự suy giảm mối quan tâm đến vật chất của nhà sản xuất trong việc mở rộng sản xuất, sự suy giảm đột ngột trong tổng thu hoạch ngũ cốc (năm 1999-2003 gần 80 triệu tấn), sự suy giảm sức mua ở nông thôn, sự hạn chế của nhu cầu nội địa. Do kinh tế nông nghiệp và nông thôn có tầm quan trọng đặc biệt đối với đất nước nói chung nên

về thực tế vấn đề nông nghiệp đang căng thẳng hiện nay đã trở thành trở ngại chính trên con đường thực hiện các kế hoạch chiến lược dài hạn của Trung Quốc.

Nguyên nhân vấn đề nông nghiệp căng thẳng đột ngột thì có nhiều nhưng có thể gộp thành hai nhóm: chủ quan và khách quan. *Nhóm thứ nhất* là những vấn đề về quan hệ nhà nước với nông dân. Bản chất của vấn đề là sự vi phạm quyền lợi kinh tế và quyền công dân của nông dân: sự trưng thu ngoài kinh tế ngày càng tăng một phần đáng kể thu nhập của người sản xuất; sự trưng thu ép buộc đất khoán mà không có đền bù xứng đáng, sự vi phạm thực tế một phần các quyền chính trị và công dân cơ bản của cư dân nông thôn theo nguyên tắc quản lý “một nhà nước hai chính sách”. Nói cách khác là, sự căng thẳng hiện nay của vấn đề nông nghiệp phần nhiều đều là hệ lụy của việc xâm phạm quyền kinh tế, xã hội và công dân của người nông dân. *Nhóm thứ hai* là những vấn đề mang tính khách quan: sự căng thẳng mâu thuẫn triền miên giữa nguồn nhân lực với nguồn đất đai, sự mất khả năng của hình thức tăng trưởng kinh tế theo bề rộng trong điều kiện của bước quá độ sang hệ thống kinh tế thị trường và tương tự là sự sụt giảm năng suất lao động tương đối trong nông nghiệp; sự suy giảm hiệu suất kinh tế, sự căng thẳng của vấn đề việc làm trong nông nghiệp và điều đó nhất thiết dẫn tới việc suy giảm nguồn thu nhập của người nông dân từ nguồn chính là làm ruộng. Vấn đề chuyển cư của nông dân mà thực chất là sự thất nghiệp trong nông nghiệp

đã nổi lên thành vấn đề hàng đầu. Điều này trùng hợp với việc gia tăng sự mất cân đối giữa cơ cấu sản xuất hiện hành của nông nghiệp với nhu cầu xã hội đã thay đổi dẫn tới việc khê đọng nông sản nghiêm trọng, sự giảm sút giá cả thị trường, người sản xuất bị mất mát nghiêm trọng khi thực hiện sản phẩm của mình, sự giảm sút thu nhập.

Kết quả là người nông dân Trung Quốc buộc phải chèo chống trước ba rủi ro thực tế: *rủi ro mang tính tự nhiên* (hàng năm thiên tai ngày càng nhiều), *rủi ro thị trường* với việc giá cả luôn thay đổi cũng như *rủi ro bởi sự chuyên quyền* của chính quyền địa phương.

Hoàn toàn hợp quy luật là việc duy trì trong vòng hơn 50 năm cơ cấu nhị nguyên của xã hội và kinh tế đã trở thành nhân tố chính làm gia tăng sự khác biệt trong quy mô thu nhập và điều kiện sống của cư dân nông thôn và thành thị, trong trình độ phát triển kinh tế-xã hội thành thị và nông thôn. Theo số liệu thống kê chính thức trung bình cả nước sự chênh lệch thu nhập bình quân đầu người giữa thành thị và nông thôn là gần 3,5 lần. Tạp chí Hồng Kông "Tranh minh" năm 2002 trích số liệu trong báo cáo của Viện Khoa học xã hội Trung Quốc và Trung tâm nghiên cứu Quốc vụ viện Trung Quốc, theo đó khối lượng thu nhập của nông dân và thị dân tại các vùng khác nhau của Trung Quốc dao động trong khoảng từ 1:5 đến 1:60. Nếu so sánh thu nhập của nông dân với thu nhập của các quan chức thành phố của một khu vực thì tương quan này là 1:15 đến 1:150⁽¹⁹⁾. Nông thôn không tiếp cận được nhiều phúc lợi cơ bản. Kết quả

là mức độ giáo dục và y tế tụt xa so với ở thành thị, hoàn toàn không có hệ thống bảo hiểm xã hội. Hiện nay hơn 60% cư dân nông thôn có trình độ học vấn lớp bảy, tại một nửa số làng theo cấp hành chính không có đường dẫn nước, 300 triệu người không có nguồn nước uống an toàn, hơn 60% không có nhà xí thông thường, 74% nông dân không tiếp cận được hệ thống y tế hợp tác. Nói cách khác, gần 2/3 dân số đất nước giống như trước đây vẫn nằm trong khuôn khổ của những điều kiện sản xuất và đời sống như trước thời cải cách. Tương tự như thế, mức độ hiện đại hoá nông thôn vẫn rất hạn chế. Đồng thời, hệ thống đăng ký hộ khẩu nông thôn, hệ thống kinh tế và xã hội nhị nguyên dần dần hình thành nên tính chất đặc biệt của tình trạng xã hội và pháp luật của cư dân nông thôn trong nước với tư cách là công dân loại hai. Thành thị và nông thôn là hai thế giới khác nhau, riêng biệt và không bình đẳng.

Bắt đầu từ những năm 1990, khâu chính của toàn bộ vấn đề tam nông chính là vấn đề nông dân, còn khâu chính của vấn đề nông dân là vấn đề thu nhập của nông dân. Điều đó là do một loạt yếu tố sau:

- Sự suy giảm đáng kể nhịp độ tăng trưởng thu nhập của nông dân vào cuối những năm 1990 đầu những năm 2000 dưới ảnh hưởng của một loạt nhân tố khách quan và chủ quan đối nội và đối ngoại (sự tăng cường quá trình tiếp thị hoá, công nghiệp hoá, đô thị hoá, toàn cầu hoá, chiến lược phát triển) dẫn tới việc cắt giảm đáng kể diện tích cấy trồng ngũ cốc (12 triệu ha) và sự suy giảm sản

lượng ngũ cốc (hơn 15%) và sự sụt giảm này làm mất cân đối mới giữa cung và cầu về lương thực, làm vấn đề an ninh lương thực thêm căng thẳng. Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá XI (tháng 3-2008) nhiệm vụ hàng đầu của chính phủ trong thời gian tới chính là nâng cao tăng trưởng sản lượng ngũ cốc, thu nhập của người sản xuất, giải quyết vấn đề an ninh lương thực cũng như những vấn đề liên quan trực tiếp đến toàn bộ sự phát triển kinh tế-xã hội Trung Quốc⁽²⁰⁾.

- Mặt trái của vấn đề thu nhập của nông dân là vấn đề nhu cầu xã hội. Việc giảm tốc độ tăng thu nhập của cư dân nông thôn ngay từ giữa những năm 1980 đã làm giảm sức mua của nông thôn, làm rệu rạo thị trường nông nghiệp. Nhu cầu yếu kém do thu nhập ít của cư dân nông thôn hiện chiếm 70% dân số toàn quốc đã giáng đòn đau vào nền kinh tế đất nước. Từ những năm 1990, nhiều khu công nghiệp ngừng hoạt động trên thực tế đã là một trong những nguyên nhân quan trọng sa thải hàng loạt công nhân khỏi các xí nghiệp công nghiệp, công nghiệp không sản xuất ra sản phẩm, kinh tế thành thị bị thiếu thốn nhiều. Khuynh hướng giảm tỷ phần nông thôn trong buôn bán lẻ các mặt hàng tiêu dùng bắt đầu từ giữa những năm 1980 kéo dài đến tận ngày nay: năm 1985 – 58,6%, năm 2001– 37,4%, năm 2003 – 34,1%, năm 2006 – 32,5%. Tương tự như thế, nhịp độ nhu cầu tiêu dùng nói chung từ nông thôn cũng bị chậm lại. Nếu tương quan giữa mức độ tiêu dùng của cư dân thành thị và cư dân nông thôn năm 1997 là 3,1:1 thì năm 2003 đã là 3,6:1⁽²¹⁾. Từ cuối những

năm 1990, Trung Quốc đã tiến hành chính sách tài chính tích cực làm cơ sở điều tiết vĩ mô sự phát triển của nhu cầu nội địa. Trên quy mô lớn, Chính phủ tiến hành nâng tiền lương cho các nhân viên ngân sách đồng thời cũng nâng lương cho công nhân viên chức các xí nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, những biện pháp này chỉ đem lại kết quả sống động trong nền kinh tế thành thị, còn trong kinh tế nông thôn thì chẳng thấy đâu. Hậu quả của việc nâng lương lại làm cho tỷ phần kinh tế nông nghiệp tiếp tục giảm sút cả trong nhu cầu tiêu dùng lẫn nhịp độ tăng trưởng nguồn đầu tư. Đánh giá chung, nếu không nâng nhu cầu của cư dân nông thôn lên thì triển vọng tăng trưởng sau này sẽ rất hạn chế. Không phải ngẫu nhiên mà trong báo cáo tại Đại hội lần thứ XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 10 năm 2007) Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã gọi một trong những nhiệm vụ cấp bách nhất của Trung Quốc là: biến nhu cầu tiêu dùng thành nhân tố kích thích tăng trưởng kinh tế quan trọng nhất cùng với đầu tư và xuất khẩu⁽²²⁾.

Kết quả của chiến lược phát triển không đồng đều là sự sụt giảm tiếp của năng suất lao động so sánh trong nông nghiệp (khu vực 1): tỷ phần GDP tạo ra trong nông nghiệp trong GDP toàn quốc tiếp tục giảm sút: sau thời kỳ 1993-2004 từ 19,5% xuống 13,1 %, năm 2006 – đã là 11,8 %, trong khi đó số lượng lao động trong nông nghiệp dù có giảm đi đôi chút vẫn còn rất cao: 46,9% (năm 2004) trong lao động xã hội, năm 2006- 43,0%⁽²³⁾. Như vậy, dành cho 43% toàn

bộ sức lao động chỉ có 11,8% giá trị GDP. Nhưng 43% sức lao động xã hội này và chỉ có 11,8% GDP lại liên hệ rất chặt chẽ với nhau. Đương nhiên, nguyên nhân chủ yếu của sự mất cân đối này là mức độ rất thấp kém của việc đầu tư vốn bình quân đầu người cho cư dân nông thôn. Bình thường thì điều này chỉ có nghĩa là sự thiếu hụt đất nông nghiệp. Nhưng nông nghiệp lại thiếu hụt nguồn đầu tư. Điều cần nhấn mạnh là, năm 2006 thậm chí khi nhà nước tăng cường hỗ trợ tài chính trong những năm gần đây thì tỷ lệ đầu tư vào các quỹ cơ bản của nông nghiệp cũng chỉ là 2,49% trong tổng đầu tư vào nguồn vốn cơ bản của đất nước.

Như vậy, hiện nay vấn đề nông nghiệp được gọi một cách đặc biệt là vấn đề toàn dân còn khâu trung tâm của nó là vấn đề thu nhập của nông dân và tương tự vấn đề này lại là sự “đau đầu” của toàn bộ nền kinh tế đất nước và xã hội cũng mang tính chất và tầm quan trọng toàn dân tộc. Nhà khoa học Trung Quốc nổi tiếng Zhao Jingxing nhấn mạnh “... trong giai đoạn tăng trưởng hiện nay, vấn đề tam nông vẫn là nhân tố đóng vai trò chủ yếu. Thậm chí tỷ giá ngoại tệ là vấn đề thoát nhìn tưởng như không có liên quan gì đến vấn đề tam nông nhưng khi phân tích sâu hơn có thể thấy rằng cũng là một vấn đề liên quan chặt chẽ với tam nông. Có thể nói rằng có thể tìm thấy tất cả gốc rễ của mọi vấn đề kinh tế vĩ mô hiện nay của Trung Quốc trong vấn đề tam nông. Điều đó xác định bản chất của vấn đề tam nông” hiện nay⁽²⁴⁾. Vì thế, điều hợp quy luật là ban lãnh đạo đất nước gọi việc giải

quyết vấn đề tam nông là vấn đề “quan trọng nhất trong tất cả các vấn đề quan trọng” đối với ban lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung Quốc.

II

Đại hội lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (năm 2002) đã đề ra, còn Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI (tháng 10-2003) đã phát triển và làm sâu sắc thêm nguyên tắc quan điểm phát triển mới, tập hợp trong đó toàn bộ chiến lược phát triển toàn diện, nhịp nhàng và bền vững nền kinh tế và xã hội trên cơ sở năm “quy hoạch thống nhất” hay phát triển nhịp nhàng năm khâu cơ bản của sản xuất xã hội và đời sống xã hội: kinh tế, lĩnh vực xã hội, thành thị và nông thôn, khu vực, con người và tự nhiên phát triển trong nước và mở cửa với bên ngoài⁽²⁵⁾. Các hội nghị Trung ương 4, 5 và 6 tiếp theo của Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá 16 (2004, 2005 và 2006) đã làm phong phú hơn quan điểm phát triển khoa học mới của Trung Quốc.

Nội dung quan trọng nhất trong số “năm quy hoạch thống nhất” là “quy hoạch thống nhất phát triển kinh tế và xã hội thành thị và nông thôn”, tạo bước khởi đầu cho chiến lược nông nghiệp mới của đất nước. Hướng thực hiện chính của chiến lược mới là liên kết thành thị và nông thôn, hoặc là gắn nông thôn vào quá trình tái sản xuất thống nhất toàn dân, vào quá trình hiện đại hoá đất nước. Hướng cơ bản của chiến lược nông nghiệp mới là khắc phục sự mất cân đối sâu sắc trong nhịp độ tăng trưởng kinh tế công nghiệp và nông nghiệp, thành thị và nông thôn, sự giãn cách về mức độ

và nhịp độ tăng trưởng thu nhập của cư dân nông thôn và cư dân thành thị và chuyển sang phát triển lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế đất nước một cách cân đối nhịp nhàng và ổn định. Mục tiêu là giải quyết vấn đề tam nông. Nền tảng của chiến lược nông nghiệp mới là đường lối hỗ trợ tài chính ưu tiên cho nông nghiệp, nông thôn có tên gọi là “công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp, thành thị hỗ trợ nông thôn” và đường lối “cho nhiều, lấy ít, làm sống động”. Đường lối hai mặt thống nhất này lần đầu tiên được đề ra tại cuộc họp Quốc về công tác ở nông thôn năm 2002 và được khẳng định dứt khoát trong Văn kiện số 1 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc vụ viện năm 2004. Theo Văn kiện này, “quy hoạch thống nhất phát triển kinh tế và xã hội thành thị và nông thôn, đường lối “cho nhiều, lấy ít, làm sống động” và đường lối “công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp”, là bản chất của chiến lược nông nghiệp nhằm giải quyết vấn đề tam nông trong giai đoạn mới⁽²⁶⁾. Việc thông qua đường lối này đòi hỏi phải có những “bước nhảy vọt” mang tính hệ thống nghiêm chỉnh: xoá bỏ việc thực thi trao đổi không tương đương, xoá bỏ chính sách trưng thu ngoài kinh tế nguồn tài sản từ nông nghiệp để phục vụ nhu cầu công nghiệp, xoá bỏ việc thực hiện cô lập nông thôn khỏi thành thị, xoá bỏ cơ cấu kinh tế và xã hội nhị nguyên. Về thực chất, chiến lược mới có nghĩa là kích thích các nhân tố sản xuất chính vận hành một cách tự do (đất đai, sức lao động, tư bản, kỹ thuật, thông tin...), phân bổ cân đối nguồn tài nguyên giữa thành thị và nông thôn, gắn kết nông

thôn vào quá trình hiện đại hoá thống nhất của đất nước. Những nguyên tắc này của chiến lược nông nghiệp mới phải kích thích việc khôi phục các quyền kinh tế, xã hội và công dân cho nông dân do Hiến pháp Trung Quốc quy định, và điều đó giúp đảm bảo địa vị pháp lý của người nông dân với tư cách là đối tượng đầy đủ của nền kinh tế và thị trường. Chiến lược nông nghiệp nói chung đang diễn ra sự thay đổi.

Cơ sở lý luận của bước ngoặt chiến lược là quan điểm “hai hướng” do Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào đưa ra trong một loạt phát biểu (tại kỳ họp toàn thể lần thứ 4 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá XVI, tại Quốc hội Trung Quốc về công tác kinh tế năm 2004, tại Quốc hội Trung Quốc về công tác ở nông thôn năm 2004). Từ quan điểm này cần chú ý hai yếu tố, đó là: 1) Sự tồn tại nhiều năm trong nước của “khuynh hướng” (đọc là chính sách) trưng thu ngoài kinh tế các nguồn lợi từ nông thôn với tư cách là đường lối bắt buộc trong thực hiện công nghiệp hoá là đặc trưng đối với các nước đang phát triển trong một giai đoạn nhất định; 2) Trong giai đoạn mới hiện nay ở Trung Quốc cần phải và đã có thể kết thúc “khuynh hướng” này và chuyển sang “khuynh hướng” mới thứ hai, có nghĩa là chuyển qua chính sách “công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp”. Tại hội nghị về công tác kinh tế kể trên, Hồ Cẩm Đào nhấn mạnh toàn bộ tầm quan trọng của bước chuyển sang “khuynh hướng” mới: “Hiện tại nước ta đang trải qua thời khắc quan trọng, sự phát triển của chúng ta đã tiến đến điểm bước ngoặt: bước đi tiếp theo có thể hoặc là có nghĩa

là sự tiếp tục phát triển tăng tốc và lành mạnh, hoặc là phải trở lại, đình trệ, phụ thuộc vào việc chúng ta sẽ chọn lựa một chính sách như thế nào. Hiện nay đang tiến hành điều tiết tăng tốc cơ cấu kinh tế và xã hội, những mâu thuẫn và vấn đề khác nhau rất phức tạp và mang tính tổng hợp. Và trong những điều kiện này sự tụt hậu nghiêm trọng của nông thôn so với thành thị đã trở thành nhân tố kìm hãm chính và rõ ràng nhất. Nó không chỉ kìm hãm nghiêm trọng sự phát triển nông thôn mà còn trở thành sự cản trở lớn phát triển toàn bộ nền kinh tế đất nước, ảnh hưởng tiêu cực tới việc thực hiện mục tiêu xây dựng toàn diện xã hội khá giả (*tiểu khang*). Điều này đòi hỏi rằng trong chiến lược và chính sách phát triển phải thực sự “chớp lấy” khuynh hướng thứ hai, trong việc thông qua các kế hoạch, trong cải cách hệ thống, trong tổ chức công việc phải điều chỉnh theo hướng giải quyết vấn đề “tam nông” để hoàn toàn gắn kết sự phát triển nông thôn vào quá trình hiện đại hoá toàn quốc. Chúng ta ngay từ đầu đã sẵn sàng sao cho nền công nghiệp phải trả lại các khoản nợ cho nông nghiệp, còn thành thị thì hỗ trợ tiềm năng kinh tế cho nông thôn. Những gì mà ngày nay đòi hỏi đó là có quyết tâm lớn thực hiện bước đi quan trọng sống còn này⁽²⁷⁾. Nói cách khác, đó là dự định từ bỏ chiến lược phát triển trước đây, đã được thực hiện trong vòng 50 năm và dựa vào sự phát triển công nghiệp hoá nhờ vào trưng thu tiền bạc từ nông thôn, và coi trọng vấn đề phân phối lại một cách hợp lý nguồn lợi dân tộc có tính đến quyền lợi của nông thôn và quyền lợi của

xã hội nói chung. Hơn nữa, Chính phủ tuyên bố ưu tiên giải quyết vấn đề nông nghiệp, xác định giải quyết vấn đề “tam nông” là “nhiệm vụ quan trọng nhất trong tất cả mọi nhiệm vụ” của công tác Đảng và Chính phủ, có nghĩa là trên thực tế đã coi đó là dự án quốc gia số một.

Nội dung cơ bản của nguyên tắc “quy hoạch thống nhất phát triển thành thị và nông thôn” được Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Ôn Gia Bảo mở ra trong bài phát biểu tại Quốc hội về công tác kinh tế (tháng 12-2004): “Cần dựa trên cơ sở khoa học để quy hoạch phát triển kinh tế và lĩnh vực xã hội, gắn kết nông nghiệp và kinh tế nông nghiệp vào quy hoạch thống nhất phát triển toàn bộ nền kinh tế dân tộc; trên cơ sở quy hoạch thống nhất gắn xây dựng cơ cấu xã hội ở nông thôn vào quá trình xây dựng toàn bộ xã hội khá giả, để trên cơ sở quy hoạch thống nhất xem xét tăng trưởng thu nhập của nông dân trong khuôn khổ phúc lợi chung của công dân toàn quốc. Cần đẩy mạnh việc xoá bỏ những trở ngại mang tính hệ thống trên con đường phát triển nhịp nhàng thành thị và nông thôn, nỗ lực tối đa xây dựng cơ chế phát triển lĩnh vực phát triển xã hội và xây dựng cơ bản tại thành thị và nông thôn trên một cơ sở thống nhất, nỗ lực tối đa xây dựng cơ chế có hiệu lực kích thích lẫn nhau và làm giàu lẫn nhau giữa thành thị và nông thôn...Nhìn chung bằng con đường chiến lược phát triển nhịp nhàng thành thị và nông thôn cần xây dựng loại hình mới quan hệ công nghiệp và nông nghiệp⁽²⁸⁾. Nói cách khác, đây là vấn đề đề cập đến việc cân

bằng sự mất cân đối giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn trong lĩnh vực kinh tế và xã hội, về sự phát triển nhịp nhàng, cân đối và ổn định của toàn bộ nền kinh tế trên cơ sở một kế hoạch thống nhất và phân phối hợp lý hơn nguồn lợi giữa các ngành.

Quan điểm phát triển nhịp nhàng giữa thành thị và nông thôn được hưởng ứng mạnh mẽ trong giới khoa học và trong số những người làm công tác thực tế. Thí dụ các nhà khoa học Trung tâm Nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện Trung Quốc yêu cầu cụ thể hoá một số điều khoản chung của đường lối “trả nợ”. Thay vì quan điểm mang tính trừu tượng “cho nhiều”, họ đề nghị bước đầu nên xác định mức độ hỗ trợ tài chính cho nông nghiệp ở mức 10% toàn bộ chi tài chính của nhà nước, sau đó mỗi năm tăng chỉ số này lên thêm 1 điểm phần trăm. Theo họ, bước đi đầu tiên của chính sách này phải là điều chỉnh cơ cấu phân bổ thu nhập quốc dân và cơ cấu chi tiêu tài chính, tăng thêm sự hỗ trợ cho lĩnh vực nông nghiệp. Đồng thời tăng mức độ đầu tư vào khoa học nông nghiệp lên 1% số GDP được tạo ra trong nông nghiệp⁽²⁹⁾. Hiện tại tỷ lệ này, theo một số đánh giá tại Trung Quốc, chiếm 0,4%, theo đánh giá của chúng tôi, nó chỉ bằng gần 0,07%⁽³⁰⁾. Còn đối với việc tăng đầu tư vào phát triển giáo dục, y tế, văn hoá tại nông thôn, thì theo họ, thay vì những câu chung chung “nhờ vào sự gia tăng chủ yếu của các chi phí” cần chỉ ra cụ thể chi “trên 70% tăng trưởng chi phí tài chính” của nhà nước cho những mục tiêu này. Đối với khái niệm “lấy ít” họ đề nghị những bước cụ thể sau: 1) Xoá bỏ

thuế nông nghiệp và chuẩn bị xây dựng hệ thống thuế thống nhất (từ năm 2006, thuế nông nghiệp đã bị bãi bỏ-ND); 2) Khẳng định khối lượng cụ thể đầu tư của chính phủ cho các huyện để xây dựng hệ thống dịch vụ xã hội ở nông thôn; 3) Chặn đứng những thất thoát tư bản từ nông thôn; 4) Cải cách hệ thống thu hồi đất thuê và nâng cao đáng kể mức đền bù quyền sử dụng đất cho nông dân. Trong khái niệm “làm sống động” phải hoàn toàn loại bỏ những biện pháp áp đặt hành chính đối với các nhà sản xuất nông nghiệp, tôn trọng quyền độc lập kinh doanh của họ; đảm bảo hỗ trợ phát triển cho các hợp tác xã nông nghiệp chuyên nghiệp và những sáng kiến cá nhân ở nông thôn v...⁽³¹⁾.

Những nghiên cứu liên quan đến quy mô “nợ” mà công nghiệp, trên thực tế là nhà nước vì vấn đề nói về khu vực nhà nước, cần phải trả lại cho nông nghiệp là rất lý thú. Theo một số tính toán, khoản nợ này mỗi năm khoảng 47% của toàn bộ GDP được nông nghiệp tạo ra⁽³²⁾. Mức “nợ” này được coi là cân đối bởi lẽ chỉ mức độ hỗ trợ tài chính này mới có thể đảm bảo tăng cường năng suất lao động và hiệu quả sản xuất trong nông nghiệp. Năm 2006, khối lượng GDP do nông nghiệp tạo ra là 2470 tỷ NDT, nên mức “nợ” phải là 1400 tỷ NDT. Còn được biết thêm là năm 2006 chi phí tài chính của nhà nước cho nông nghiệp là 339,7 tỷ NDT⁽³³⁾, hay bằng khoảng 24,5% tổng GDP do nông nghiệp làm ra trong năm này. Trong trường hợp này, để khuyến khích thực tế nhịp độ tăng trưởng và thúc đẩy lĩnh vực nông nghiệp thì hiện tại hỗ trợ tài chính ít nhất phải đạt 4 lần

hơn thế. Cần nhấn mạnh là quy mô tài trợ hiện tại đã nói rõ sự tăng đáng kể việc bơm nguồn tài chính vào nông nghiệp so với năm 2000 có nghĩa là đến trước khi chiến lược nông nghiệp mới được thông qua. Để so sánh phải lấy ví dụ từ phần lớn các nước kinh tế phát triển. Tại các nước này (Mỹ, Canada, Anh, Ôxtrâyliya và các nước khác) mức độ hỗ trợ tài chính cho nông nghiệp những năm gần đây thường là hơn 25%, ở Nhật Bản và Israel là 45-95% còn ở Ấn Độ là 10% tổng GDP do nông nghiệp tạo ra⁽³⁴⁾.

Về con đường và khuynh hướng thực hiện chiến lược nông nghiệp mới có thể đánh giá theo chương trình phát triển trung và dài hạn, do Trung tâm nghiên cứu phát triển của Quốc vụ viện Trung Quốc đề ra cho giai đoạn từ năm 2006 đến 2020. Chương trình này bao gồm các hướng “quy hoạch thống nhất” sau: 1) Điều chỉnh chiến lược cơ cấu nông nghiệp, nâng cao hiệu suất tổng hợp và sức cạnh tranh của nông nghiệp; 2) Tăng cường nhịp độ đô thị hoá và chuyển lực lượng lao động nông nghiệp dôi dư sang lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn và thành thị; 3) Xoá bỏ cơ cấu kinh tế nhị nguyên, làm nông thôn cô lập khỏi thành thị; 4) Khắc phục tình trạng bị tổn hại của nông nghiệp và kinh tế nông nghiệp và phân bổ thu nhập quốc dân, gia tăng hỗ trợ tài chính cho lĩnh vực nông nghiệp, mở rộng lĩnh vực dịch vụ xã hội ở nông thôn; 5) Tiến hành sâu rộng cải cách thể chế tại nông nghiệp, tạo lập động lực phát triển kinh tế nông nghiệp mới, bao gồm cải cách quyền tài sản của nông dân đối với đất đai, hệ thống thu hồi đất nông nghiệp; gắn kết

kinh tế tập thể ở nông thôn với tư cách là đối tượng đầy đủ của thị trường vào lưu thông thị trường đất đai; đảm bảo hệ thống an sinh xã hội đối với nông dân bị mất đất; 6) Xây dựng cơ cấu bảo vệ quyền của nông dân⁽³⁵⁾. Cần nhấn mạnh là phần lớn các hướng này đã được đưa vào chương trình phát triển kinh tế và xã hội giai đoạn Quy hoạch 5 năm lần thứ XI nhưng đồng thời cũng chỉ ra rằng để khuyến khích một cách thực tế nhịp độ tăng trưởng và thúc đẩy nền nông nghiệp thì hiện nay cần ít nhất tăng thêm 4 lần sự hỗ trợ tài chính như thế (2006-2010). Trong khi đó một số khuynh hướng quan trọng liên quan đến cải cách hệ thống, thí dụ như, cải cách quyền tài sản của nông dân đối với đất đai lại không thấy ghi trong Quy hoạch 5 năm lần thứ XI.

III

Sau khi chiến lược nông nghiệp mới được thông qua đã bắt đầu những tìm kiếm biện pháp và cơ chế thực hiện chúng, bổ sung nội dung những nguyên tắc chính và tiếp tục hoàn thiện chiến lược này. Những bước đi đầu tiên thực hiện chiến lược này gồm hai hướng: 1) Cải cách thuế và các khoản thu (2002-2006), tạo điều kiện để đến năm 2006 có thể xoá bỏ thuế nông nghiệp và phần lớn những khoản thu tại địa phương bằng cách đó cắt giảm các khoản nông dân mỗi năm phải trả là 120 tỷ NDT còn đến năm 2008 là 133,5 tỷ NDT; 2) Từ năm 2004-2005 tiến hành quyền giúp trực tiếp cho những nông dân- người sản xuất ngũ cốc, cũng như giá thu mua tối thiểu đối với ngũ cốc tại các vùng sản xuất ngũ

cốc chính, giúp ổn định tăng trưởng thu nhập cho nông dân, tăng trưởng sản xuất nông nghiệp.

Đồng thời với việc bắt đầu thực hiện đường lối “trả nợ”, Trung Quốc đã soạn thảo những kế hoạch và biện pháp mà mục tiêu là dần dần gỡ bỏ cơ cấu kinh tế và xã hội nhị nguyên, đảm bảo có được bước ngoặt chiến lược. Các bước đi chính là:

- Thông qua “Chương trình xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa (2006-2020)” do kỳ họp toàn thể lần thứ 5 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá 16 (tháng 12/2005) đề ra trong các kiến nghị cho Quy hoạch 5 năm lần thứ XI⁽³⁶⁾. Chương trình cải tạo nông thôn Trung Quốc tổng hợp và dài hạn này bao gồm 8 nhóm giải pháp và nhiệm vụ: 1) Quy hoạch thống nhất phát triển kinh tế và chính trị thành thị và nông thôn; 2) Hiện đại hoá nông nghiệp; 3) Khuyến khích tăng trưởng ổn định thu nhập của nông dân, xây dựng cơ sở vật chất cho công cuộc xây dựng nông thôn mới; 4) Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn; 5) Tăng cường phát triển lĩnh vực xã hội ở nông thôn; 6) Đẩy mạnh cải cách thể chế ở nông thôn; 7) Xây dựng quản lý dân chủ ở nông thôn, hoàn thiện hệ thống quản lý ở cấp huyện và xã; 8) Củng cố sự lãnh đạo, khẳng định kế hoạch xây dựng nông thôn mới trên cơ sở khoa học. Nhiệm vụ trung tâm của chương trình là *phát triển kinh tế nông thôn, tiếp tục giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất của kinh tế nông thôn, phát triển bền vững sản xuất ngũ cốc, tăng trưởng ổn định thu nhập của nông dân*.

- Cuộc cải cách tổng hợp ở nông thôn được tuyên bố chính thức bắt đầu (tháng 9/2006) gồm 3 hướng cải tạo mang tính hệ thống là: Cải cách cơ cấu huyện và tổng, cải cách việc tiến hành giáo dục bắt buộc miễn phí 9 năm tại nông thôn, cải cách hệ thống quản lý tài chính của huyện và xã. Nhìn chung, cải cách tổng hợp là nhằm xây dựng một hệ thống quản lý hành chính nông thôn rõ ràng và có hiệu quả và cơ chế hoạt động của hệ thống này. Phát biểu tại Quốc hội về vấn đề cải cách tổng hợp ở nông thôn, Thủ tướng Ôn Gia Bảo đã chứng minh bước chuyển nhanh chóng sang cải cách mang tính thể chế trước hết là do cần thiết phải củng cố những kết quả thành công của công cuộc cải cách thuế và các khoản thu ở nông thôn. Thành tựu quan trọng này có thể bị xóa bỏ nếu không tiêu diệt tận gốc rễ những nguyên nhân làm gia tăng gánh nặng của các khoản thu. Gốc rễ của các nguyên nhân là cải cách chưa được tiến hành triệt để do hệ thống quản lý hành chính yếu kém cũng như hệ thống quản lý tại địa phương ở nông thôn (cấp huyện và xã) kém hiệu quả. Sau khi xóa bỏ thuế nông nghiệp vẫn xuất hiện do vậy phải đẩy nhanh công cuộc cải cách⁽³⁷⁾. Cải cách tổng hợp không chỉ bao gồm lĩnh vực kinh tế mà phải cả lĩnh vực xã hội, văn hoá và phải trở thành cuộc cải cách xã hội và hệ thống quan trọng. Nó phải giải quyết được những vấn đề như cải tạo chức năng của chính quyền địa phương, hạn chế quyền hạn của các cá nhân. Nó cũng cần phải “*giải quyết tình trạng phân chia thu nhập quốc dân và mối quan hệ*

quyền lợi giữa thành thị và nông thôn, kích thích phân bổ hợp lý các nguồn lợi quốc gia giữa thành thị và nông thôn". Cuối cùng, Nhà nước cần phải thay đổi các biện pháp cổ hủ của công tác cán bộ ở nông thôn, giải quyết mối quan hệ của họ với quần chúng nông dân trong điều kiện kinh tế thị trường và quản lý một cách dân chủ hoá⁽³⁸⁾. Cải cách tổng hợp đang được thực hiện thí điểm. Ôn Gia Bảo khi trả lời câu hỏi về mối quan hệ giữa nhiệm vụ cải cách tổng hợp với chương trình xây dựng nông thôn mới đã nói : "Chương trình xây dựng nông thôn mới do Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đó là một giải pháp quan trọng xuất phát từ tình hình chung xây dựng toàn bộ xã hội *tiểu khang*, đó là bước đi quan trọng trong việc giải quyết vấn đề *tam nông*. Mục tiêu cơ bản nhất của xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa là giải phóng và phát triển sức sản xuất ở nông thôn. Mục tiêu của cải cách tổng hợp là xoá bỏ những mối quan hệ sản xuất ở nông thôn không đáp ứng được sự phát triển của sức sản xuất và một số khâu của kiến trúc thượng tầng, đảm bảo sự bảo đảm mang tính hệ thống cho công cuộc xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa"⁽³⁹⁾. Nói cách khác, cả hai "dự án" đều liên quan với nhau bởi những mục đích chung, đều cần phải làm việc theo một hướng, nhưng nếu không thực hiện cải cách tổng hợp thì công cuộc xây dựng nông thôn mới nhất định sẽ dậm chân tại chỗ. Trên thực tế, ngay từ ban đầu việc thực hiện chiến lược nông nghiệp mới đã vấp phải hàng loạt những rào cản mang tính thể chế gây trở ngại một cách thực tế việc tiến

hành giải quyết vấn đề *tam nông*. Theo chúng tôi, chính điều này là nguyên nhân xác đáng nhất của việc đẩy mạnh triển khai các hướng chính của cải cách tổng hợp ở nông thôn.

- Việc thông qua Chương trình phát triển nông nghiệp hiện đại của Trung Quốc, tháng 1-2007 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thông qua chương trình dài hạn phát triển nông nghiệp hiện đại, mở đầu giai đoạn mới hiện đại hoá ngành quan trọng nhất này. (Văn kiện số 1 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2007⁽⁴⁰⁾). Thực chất tài liệu này là một chương trình đầy triển vọng để thực hiện chiến lược nông nghiệp mới của Trung Quốc. Phát triển nông nghiệp hiện đại là nhiệm vụ số một của công cuộc xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, "khâu then chốt" của việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới và áp dụng chiến lược nông nghiệp vào đời sống. Cùng với việc phát triển nông nghiệp hiện đại ở Trung Quốc là việc giải quyết những nhiệm vụ chính của vấn đề nông nghiệp và những nhiệm vụ quan trọng toàn quốc: đảm bảo an ninh lương thực cho đất nước, nâng cao đáng kể thu nhập và mức sống của nông dân, nhu cầu xã hội, khắc phục sự giãn cách lớn trong phát triển kinh tế-xã hội ở nông thôn và thành thị, nâng cao tính cạnh tranh của khu vực nông nghiệp trong điều kiện toàn cầu hoá, thực hiện bước chuyển đổi sang hình thức mới tăng trưởng kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp. Cuối cùng, việc xây dựng khu vực nông nghiệp hiện đại phải là nhân tố quan trọng thúc đẩy hiện đại hoá Trung Quốc nói chung. Về mặt vĩ

mô, chương trình phát triển nông nghiệp hiện đại đất nước là “khâu then chốt” trong thực hiện bước quá độ lịch sử từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang hiện đại. Rõ ràng rằng nếu không hiện đại hoá một cách toàn diện và sâu sắc lĩnh vực nông nghiệp thì không thể thực hiện được kế hoạch chiến lược hiện đại hoá đất nước và đến giữa thế kỷ XXI không thể đạt được việc xây dựng xã hội hài hoà - “khá giả” - “*tiểu khang*”.

Văn kiện số 1 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc vụ viện Trung Quốc năm 2007 đề cập đến nội dung của chương trình, nêu đặc điểm của khái niệm “nông nghiệp hiện đại”. Đó là phát triển cơ sở vật chất của nông nghiệp; khoa học và kỹ thuật hiện đại, hệ thống các ngành hiện đại; hình thức kinh tế hiện đại; quan điểm phát triển hiện đại lĩnh vực nông nghiệp; giáo dục loại hình nông dân mới; nâng cao mức độ tưới tiêu, cơ giới hoá, thông tin hoá nông nghiệp cũng như năng suất đất đai, hiệu suất sử dụng nguồn tài nguyên và năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông nghiệp⁽⁴¹⁾. Có thể nói rằng, đặc điểm trên của lĩnh vực nông nghiệp hiện đại hoàn toàn đáp ứng được những yêu cầu khách quan của thực tiễn Trung Quốc cũng như những tiêu chí thế giới đối với kinh tế nông nghiệp hiện đại.

Mọi việc hãy còn phía trước đối với mức độ hiện đại hoá lĩnh vực nông nghiệp ở Trung Quốc. Trong điều kiện tốc độ phát triển rất không đồng đều tại các khu vực khác nhau nên chỉ có một số khu vực kinh tế phát triển tại miền Đông Trung Quốc mới có được mức độ

tương đối cao trong hiện đại hoá nông nghiệp. Tuy nhiên nếu so sánh mức độ này thậm chí của các tỉnh hàng đầu trong khu vực thí dụ như tỉnh Chiết Giang với mức trung bình của thế giới thì rõ ràng quá trình hiện đại hoá nông nghiệp ở các khu vực này cũng mới ở giai đoạn khởi đầu⁽⁴²⁾.

IV

Nhưng những bước đi đầu tiên nhằm thực hiện chiến lược và chính sách nông nghiệp mới chỉ ra rằng, Trung Quốc vẫn chưa áp dụng đầy đủ những biện pháp cần thiết. Một mặt, rõ ràng là một số hướng cải cách quan trọng riêng biệt trong “khâu then chốt” đòi hỏi một thời gian dài và những bước đi khó khăn. Thêm nữa chúng chưa khắc phục được những vấn đề cấp bách. Mặt khác, việc thực hiện bất kỳ một cải cách nào đồng thời trên phạm vi cả nước ở Trung Quốc nói chung đều rất rủi ro. Thường những cải cách này đều được thử nghiệm nghiêm túc tại những vùng riêng biệt và điều này cần phải có thời gian mà thời gian trên thực tế là rất ít: những vấn đề kinh tế-xã hội cốt yếu đòi hỏi phải chú ý khẩn cấp.

Những chương trình giải quyết vấn đề nông nghiệp kể trên nêu lên vấn đề tương quan giữa đầu tư và sử dụng trong GDP Trung Quốc ở cấp độ mới, vấn đề xây dựng cơ chế mới huy động nguồn tài nguyên mà hiện nay dành cho hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trên cơ sở thị trường. Để làm được việc này cũng phải xem xét lại một cách nghiêm túc hơn, có nghĩa là cải cách, cơ cấu phân bổ và cơ cấu chi tiêu thu nhập quốc dân, cơ cấu chi tiêu ngân sách nhà

nước theo hướng tính toán khách quan quyền lợi của nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Đời sống thực tiễn luôn điều chỉnh những kế hoạch và chương trình đã được thông qua. Sự căng thẳng của vấn đề an ninh lương thực và những khó khăn trong việc tăng cường sản lượng ngũ cốc và thu nhập cho nông dân trong những năm gần đây đã làm gia tăng tính cấp thiết phải tìm ra những sơ đồ mới, những biện pháp và cách tiếp cận bất thường để giải quyết những vấn đề gai góc mà vấn đề hàng đầu trong số đó là *tam nông*.

Không phải ngẫu nhiên mà những năm gần đây trong giới khoa học và những người làm công tác thực tiễn ở Trung Quốc đã diễn ra những cuộc tranh luận gay gắt về các biện pháp giải quyết vấn đề *tam nông*, liên quan đến vấn đề hiện đại hoá, trước hết là tăng cường quá trình đô thị hoá, kéo theo cả loạt những hậu quả kinh tế, xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế, xã hội ở nông thôn của cái gọi là “*tam nông mới*” : 1) Không thu xếp được cho nông dân di cư vào thành phố, 2) Nông dân mất đất, 3) Cắt giảm mạnh mẽ đất gieo trồng⁽⁴³⁾. Phần lớn các nhà khoa học và chuyên gia giữ ý kiến cho rằng bằng nỗ lực của nông thôn thì không thể giải quyết được vấn đề nông nghiệp, giải pháp giải quyết vấn đề này là ở thành phố; để nâng cao thu nhập của nông dân trước hết phải hạn chế số lượng lực lượng sản xuất nông nghiệp, chuyển số lao động dôi dư này vào thành phố. Điều này giảm bớt gánh nặng lực lượng lao động đối với mỗi đơn vị đất đai gieo trồng, tạo điều kiện

gia tăng quy mô sản xuất và nâng cao năng suất lao động. Để làm được việc này, Nhà nước cần phải gỡ bỏ mọi cản trở và rào cản mang tính hệ thống, khuyến khích gia tăng di dân nông nghiệp vào thành phố. Những năm gần đây thường nói nhiều hơn đến quan điểm thứ hai, theo đó vấn đề nông nghiệp phải được giải quyết tại nông thôn, thành thị không lôi kéo, cơ sở hạ tầng, tiềm năng kinh tế của thành thị không đủ để giải quyết nguồn di dân từ các vùng quê ngày một gia tăng mà theo đánh giá khác nhau thì số lượng này dao động trong khoảng từ 150 đến 200 triệu người, rằng “bàn đạp giải quyết vấn đề nông nghiệp trong nhiều năm nữa vẫn phải là ở nông thôn”⁽⁴⁴⁾. Những người theo quan điểm thứ ba cho rằng nên sử dụng cả nhân tố di chuyển lao động nông nghiệp dôi dư từ nông thôn vào thành thị, đồng thời nâng cao điều kiện sống và sản xuất tại nông thôn, thực hiện xây dựng nông thôn mới, dựa thực tế vào đô thị hoá nông thôn. Vì lẽ, theo đánh giá trong vòng hàng thập kỷ tới đây nếu một phần lớn lao động dôi dư từ nông nghiệp có chuyển vào thành phố đi chăng nữa thì ở nông thôn vẫn còn đến gần 500 triệu người. Vì vậy, những người ủng hộ cách tiếp cận này đề nghị có thể và cần phải tiến hành đô thị hoá chủ yếu tại chỗ, có nghĩa là tại nông thôn, tiến hành nền kinh tế huyện cơ bản. Nhân tiện nói thêm là theo thống kê chính thức thì nông thôn được bắt đầu “từ huyện và dưới nữa”. Nói cách khác, ranh giới (hay sau đó là khoảng cách) giữa thành thị và nông thôn như một số nhà kinh tế Trung Quốc nhấn mạnh là trên thực tế không

được xác định theo dấu hiệu ngành mà theo khu vực: giữa một bên là kinh tế thành thị và bên khác là kinh tế huyện hay kinh tế nông nghiệp.

Đánh giá những cách tiếp cận giải quyết vấn đề tam nông kể trên, nhà kinh tế Trung Quốc Zhao Jingxing nhận xét rằng nhìn chung tất cả những quan điểm này đều có thể chấp nhận được nếu như không có một thiếu sót nghiêm trọng: các tác giả những quan điểm này quên mất một chi tiết rất cơ bản mà thiếu nó thì mọi đề nghị của họ đều chỉ là trên giấy. Nhưng cũng không chỉ có điều đó. Trung Quốc có đặc điểm của mình - cư dân trên một tỷ người và một số lượng lớn lực lượng nông nghiệp dôi dư tràn vào thành thị trong một thời gian ngắn trong tương lai gần có thể tạo ra tình trạng nguy hiểm quá tải cư dân thành phố. Cũng không nên quên rằng hiện tại nạn thất nghiệp ở thành thị đã quá cao. Lối thoát thì có: cần xây dựng một thị trường thống nhất sức lao động và các nguồn sản xuất khác để phân bổ một cách cân đối hơn. Cần sử dụng kinh tế huyện kích thích nông thôn phát triển. Đồng thời các nhà khoa học cho rằng vấn đề nông nghiệp là vấn đề mang tính hệ thống đã từ lâu biến thành vấn đề kinh tế vĩ mô quan trọng nhất, đảm bảo thắng lợi dù là một phần của công cuộc hiện đại hoá Trung Quốc. Vì vậy, Nhà nước phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bởi việc xuất hiện của vấn đề tam nông. Vì thế, việc giải quyết vấn đề này đòi hỏi nhà nước phải tham gia tích cực. Thực tế hiện nay đã đến lúc trả lại số nợ đã vay vì những mục đích cao cả của toàn dân là những mục đích công nghiệp

hoá và mục đích trở dậy của Trung Quốc. Mối quan hệ nông nghiệp với công nghiệp, nông thôn và thành thị là thí dụ kinh điển “giao ước trả chậm”: đã đến lúc trả lại số của cải đã vay, mặc dù không hình thành những bản hợp đồng chính thức. Điều đó không làm thay đổi thực chất của những quy luật kinh tế. Các nhà khoa học nhấn mạnh, nhưng điều quan trọng và lý thú nhất vẫn là ở chỗ việc trả lại khoản nợ không quan trọng theo quan điểm thuê mượn trong kinh doanh, bởi vì nếu không trả nợ sẽ làm cho phát triển mất cân đối cần thiết dẫn đến bất ổn định kinh tế và xã hội quan trọng trong nước. Nếu không trả số nợ này, công nghiệp sẽ không có tương lai để phát triển tiếp. Những dấu hiệu phá vỡ sự cân đối này đã rõ - thiếu hụt nhu cầu, vấn đề an ninh lương thực căng thẳng, bất ổn định xã hội⁽⁴⁵⁾. Không thể không đồng ý với quan điểm này.

Dường như để tiếp tục cuộc tranh luận về những giải pháp giải quyết vấn đề tam nông trong nước đang diễn ra một đợt mới cải cách thí điểm để tìm ra cấu trúc mới thực hiện liên kết thành thị và nông thôn. Đó là nhiệm vụ do Đại hội lần thứ XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc (2007) đề ra. Trong đó vấn đề nói về thí điểm Tứ Xuyên, được chính thức công bố năm 2007, mặc dù nó đã được bắt đầu từ năm 2004. Theo nghị quyết của Chính phủ, ở đây đã thành lập và thông qua khu thí điểm đặc biệt với các trung tâm là thành phố Thành Đô (thủ phủ của tỉnh Tứ Xuyên) và Trùng Khánh (mới đây trở thành thành phố độc lập trực thuộc Trung ương) để thực hiện cải cách tổng hợp liên kết phát triển

thành thị và nông thôn. Cuộc thí điểm bao trùm một lãnh thổ rộng lớn với số dân lên tới 100 triệu người. Mục tiêu của cuộc thí điểm là trên cơ sở liên kết thành thị và nông thôn sẽ khắc phục khoảng cách trong phát triển thành thị và nông thôn, giải quyết vấn đề tăng thu nhập cho nông dân, nâng cao hiệu suất nông nghiệp, gắn kết nông thôn vào quá trình tái sản xuất toàn quốc, giải quyết vấn đề nông nghiệp nói chung. Nền tảng của quá trình liên kết là quan điểm “đô thị hoá nông thôn” mà kinh tế huyện với mạng lưới làng xã kiểu thành phố và thị trấn rộng lớn là nền tảng. Nguyên tắc cơ bản thực hiện liên kết là giải pháp “ba tập trung”- tập trung đất nông nghiệp, khu dân cư của nông dân và công nghiệp. Dự kiến thí điểm kéo dài đến năm 2020.

Trung Quốc đang tiếp tục hoàn thiện nội dung của chiến lược nông nghiệp hoàn thiện và chỉnh sửa các phương pháp và biện pháp áp dụng nó vào thực tiễn dựa vào cải cách thí điểm và những trao đổi gay gắt của các nhà khoa học, với sự tham gia tích cực của ban lãnh đạo đất nước.

Một điều rõ ràng là dưới ánh sáng của những điều kiện và cách tiếp cận mới thì nội dung của ba vấn đề cấu thành của tam nông cũng đã được đổi mới: 1) Nhiệm vụ chính của *nông nghiệp* là hiện đại hoá tổng hợp, chuyển sang hình thức phát triển theo chiều sâu. Trên cơ sở này phát triển hệ thống hiệu suất cao và sức cạnh tranh cao của các ngành hiện đại có khả năng giải quyết vấn đề thu nhập cho người sản xuất nông nghiệp, giải quyết vấn đề an ninh lương thực trong

nước; 2) *Nông thôn* được gắn kết vào quá trình hiện đại hoá, công nghiệp hoá và đô thị hoá nông nghiệp và cần phải thay đổi việc phân bổ các nhân tố sản xuất cơ bản là lực lượng lao động, đất đai, tư bản, khoa học, thông tin. Rộng hơn thì nông thôn phải là bàn đạp thực hiện bước quá độ từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp-nông nghiệp và đương nhiên nông thôn sẽ phải thay đổi diện mạo của mình. Trọng tâm chủ yếu của đô thị hoá chuyển dịch về các khu vực nông thôn, cơ sở là huyện và kinh tế huyện; 3) *Nông dân*: chiến lược nông nghiệp mới và chương trình hiện đại hoá nông nghiệp phải đảm bảo giải quyết nhiệm vụ chính của vấn đề nông dân là đảm bảo tăng thu nhập ổn định. Nâng cao chất lượng sức lao động nông nghiệp, giáo dục nông dân kiểu mới cũng là những nhiệm vụ quan trọng của chương trình hiện đại hoá nông nghiệp.

CHÚ THÍCH:

- (1) L.D. Boni. Nông thôn Trung Quốc trên đường tiến tới thị trường. M. 2005. Tr. 392-393
- (2) Kinh tế nông thôn Trung Quốc, 2003, số 1, tr.23
- (3) Trương Hiểu Sơn và những người khác. Quản lý kinh tế Bắc Kinh 2007 tr. 344., số 1 tr.8
- (4) Kinh tế nông thôn Trung Quốc, 2001. № 1. tr. 8
- (5) Tài liệu đã dẫn
- (6) Yan Wenlian và Xiong Jingmi. Nông thôn Trung Quốc tiến vào thế kỷ XXI. Bắc Kinh.Nxb Quang minh nhật báo. 2000. tr. 469

- (7) Vấn đề tam nông trong quy hoạch thống nhất phát triển thành thị và nông thôn. Báo cáo nghiên cứu phát triển kinh tế Trung Quốc do Trường đại học Nhân dân Trung Quốc soạn thảo. NXB Đại học nhân dân Trung Quốc. Bắc Kinh. tr. 31-32
- (8) Tài liệu đã dẫn tr. 23
- (9) Tài liệu đã dẫn
- (10) Kinh tế thời báo Trung Quốc. 27.06.2005
- (11) Tài liệu đã dẫn
- (12) Đại học nhân dân Trung Quốc ...tác phẩm đã dẫn. tr.32
- (13) Kinh tế nông thôn Trung Quốc , 2001. № 1. tr 16.
- (14) Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc. Sách xanh. 2001, tr.147
- (15) Đại học nhân dân Trung Quốc ...tác phẩm đã dẫn. tr.32
- (16) Tạp chí kinh tế nông nghiệp, Bắc Kinh. 2007. số 8.tr. 35; Niên giám thống kê Trung Quốc . 2007. bảng 8-6.
- (17) Kinh tế nông thôn Trung Quốc . 2002. số1. tr. 15.
- (18) Tính theo số liệu của Niên giám thống kê Trung Quốc. 2007.tr.187
- (19) Kinh tế nông thôn Trung Quốc . 2002. số1. tr. 67.
- (20) Tranh minh (zhengming) 2002, số 1, tr.8.
- (21) <http://www.china.com/cn/2008> liang hui/ 2008-03/19/content_13046500.htm
- (22) Trương Hiểu Sơn và những người khác... NXB. Quản lý kinh tế. Bắc Kinh 2007 tr. 344.; Phân tích tình hình xã hội Trung Quốc... Bắc Kinh 2006-2007 tr.4
- (23) <http://russian/people/com/cn/31521/6290591.html>
- (24) Niên giám thống kê Trung Quốc. 2007.tr.
- (25) Trương Hiểu Sơn và những người khác. Quản lý kinh tế Bắc Kinh 2007 tr.339.
- (26) Thời báo kinh tế 17-11-2002; Nhân dân nhật báo. 22-10-2003.
- (27) Nhân dân nhật báo. 9-2-2004.
- (28) Nhân dân nhật báo 6-1-2005.
- (29) Tài liệu đã dẫn. 28-2- 2005.
- (30) Vấn đề kinh tế nông nghiệp . 2004. số1. tr. 18.
- (31) Theo thống kê chính thức khối lượng GDP do nông nghiệp tạo ra năm 2000 là 1462 tỷ NDT, còn tổng hỗ trợ tài chính của khoa học nông nghiệp trong năm này là 978 triệu NDT hay bằng 0,066% (Xem. Kinh tế nông thôn Trung Quốc 2006.số 8.tr. 5,9; Niên giám thống kê Trung Quốc. 2006. bảng.8-6).
- (32) Vấn đề kinh tế nông nghiệp . 2004. số 1. tr. 18.
- (33) Kinh tế nông thôn Trung Quốc 2006.số 8.tr. 9.
- (34) Số liệu và con số tính toán dựa theo: Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc.... Tác phẩm đã dẫn.2006-2007.tr. 55; Niên giám thống kê Trung Quốc. 2006. bảng.8-6.
- (35) Kinh tế nông thôn Trung Quốc . 2005. số1. tr. 17.
- (36) Những vấn đề chính phát triển trung và dài hạn của Trung Quốc 2006-2020. Vương Mông Khôi chủ biên. NXB Phát triển Trung Quốc,.Bắc Kinh 2005, tr. 192-213.
- (37) www.china-gate.com cn 21/02/2006
- (38) Cầu thị. 2006. số 18. tr.. 4.
- (39) Tài liệu đã dẫn.
- (40) Như trên. tr. 8.
- (41) Nông dân nhật báo .30.01.2007; Gou yuan công báo.2007. số 8. tr.5-11.
- (42) Gou yuan công báo. 2007. số 8.tr.5
- (43) Kinh tế nông thôn Trung Quốc . 2000. số1.tr.12.
- (44) http://rdi.cass.cn/show_News.asp?id/16389.
- (45) Kinh tế nông thôn Trung Quốc . 2007. số4. tr.8.

